

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2025/KDTM-PT.

Ngày 26/05/2025.

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Đức Lập

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Mai

Bà Nguyễn Thị Phương Thủy

Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Hoa Thiên - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Ông Nguyễn Trần Thắng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09/05/2025, 26/05/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 271/2024/KTPT ngày 06/12/2024 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 08/2024/KDTM-ST ngày 10/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 135/2025/QĐ- PT ngày 04/03/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 200/2025/QĐ-PT ngày 20/03/2025, giữa:

*** Nguyên đơn: Ngân hàng N**

Địa chỉ: Số B, L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội; *Người đại diện theo pháp luật:* Ông **Phạm Toàn V** – Tổng giám đốc Ngân hàng N; *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông **Nguyễn Trung K** – Giám đốc Ngân hàng N – chi nhánh V1; *Người đại diện theo ủy quyền lại:* Ông **Nguyễn Thái H** – Trưởng phòng khách hàng doanh nghiệp - Ngân hàng N – chi nhánh V1 (Văn bản ủy quyền số 1456 ngày 20/10/2022). Ông H có mặt tại phiên tòa.

*** Bị đơn: Công ty TNHH D.**

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Q, huyện S, thành phố Hà Nội; *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Nguyễn Ngọc B – chức vụ giám đốc. Ông B vắng mặt tại phiên tòa

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ông **Trần Văn L**, sinh năm 1985

- Bà **Vũ Thị Kim K1**, sinh năm 1985
- Cháu **Trần Thu P**, sinh năm 2008
- Cháu **Trần Thu T**, sinh năm 2009
- Cháu **Trần Thu H1**, sinh năm 2012
- Cháu **Trần Thu C**, sinh năm 2016

Cùng trú tại: Thôn B, xã Q, huyện S, thành phố Hà Nội.

Người giám hộ cho cháu P, cháu T, cháu H1, cháu C: bà **Vũ Thị Kim K1**, sinh năm 1985 (mẹ ruột): *Bà K1 có mặt tại phiên tòa. Ông L hiện đang chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh H và có ý kiến xin vắng mặt tại phiên tòa.*

Người kháng cáo: - Ông Trần Văn L.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện ngày 20/10/2022 và các lời khai tiếp theo đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:** Ngày 02/07/2013 Công ty TNHH D có đơn đề nghị vay vốn tại A chi nhánh P1 (nay là A Chi nhánh V1) và đã ký Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 2890LAV201301062/HĐTD ngày 02 tháng 07 năm 2013. Theo đó toàn bộ các khoản nợ của doanh nghiệp tại Hợp đồng tín dụng số 02/2012 ngày 20 tháng 01 năm 2012 và được chuyển sang theo dõi tại hợp đồng tín dụng nêu trên bao gồm các khoản nhận nợ với nội dung:

1. Tại giấy nhận nợ ngày 02/07/2013
 - 1.1 Số tiền vay: 2.000.000.000 đồng
 - 1.2 Hạn trả nợ cuối cùng: 12/05/2014.
 - 1.3 Lãi suất: Thỏa thuận lãi suất tiền vay tại thời điểm ký giấy nhận nợ là 11,5%/năm, lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay.
2. Tại giấy nhận nợ ngày 04/07/2013
 - a. Số tiền vay: 1.500.000.000 đồng
 - b. Hạn trả nợ cuối cùng: 04/05/2014.
 - c. Lãi suất: Thỏa thuận lãi suất tiền vay tại thời điểm ký giấy nhận nợ là 17,25 %/năm, lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay.
3. Tại giấy nhận nợ ngày 08/07/2013
 - a. Số tiền vay: 1.500.000.000 đồng
 - b. Dư nợ gốc thời điểm khởi kiện: 1.498.000.000 đồng
 - c. Hạn trả nợ cuối cùng: 08/05/2014.
 - d. Lãi suất: Thỏa thuận lãi suất tiền vay tại thời điểm ký giấy nhận nợ là 17,25 %/năm, lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay.

Ngày 10/07/2013 Công ty TNHH D có đơn đề nghị vay vốn tại A chi nhánh

P1 (nay là A Chi nhánh V1) và đã ký Hợp đồng tín dụng số: 2890LAV201301126/HĐTD ngày 10 tháng 07 năm 2013. Cụ thể như sau:

- Số tiền vay: 1.300.000.000 đồng
- Dư nợ gốc thời điểm khởi kiện: 1.300.000.000 đồng
- Hạn trả nợ cuối cùng: 10/07/2014
- Lãi suất: Thỏa thuận lãi suất tiền vay tại thời điểm ký giấy nhận nợ là 11,5 %/năm, lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay.

Ngày 28 tháng 05 năm 2019, A Chi nhánh V1 đã có hồ sơ khởi kiện gửi Tòa án nhân dân Huyện Sóc Sơn – Thành phố Hà Nội đề nghị giải quyết buộc Công ty TNHH D thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho A Chi nhánh V1 với tổng số tiền gốc, lãi là: 10.269.548.445 đồng (*nợ gốc: 6.298.000.000 đồng; nợ lãi tạm tính đến ngày 21/05/2019: 3.971.548.445 đồng*).

Ngày 17 tháng 07 năm 2019, để thực hiện nhanh việc thu hồi vốn cho nhà nước, chúng tôi đã có đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện gửi Tòa án nhân dân Huyện Sóc Sơn – Thành phố Hà Nội do bên có tài sản bảo đảm là Ông Trần Văn L đang bị Cơ quan Công an bắt giữ để điều tra vụ án liên quan hành vi buôn bán trái phép chất ma túy.

Sau khi rút một phần yêu cầu khởi kiện, số tiền A Chi nhánh V1 đề nghị Tòa án giải quyết, buộc Công ty TNHH D trả nợ 8.340.411.692 đồng, trong đó:

- + Số tiền gốc: 4.940.761.957 đồng.
- + Số tiền lãi (*tạm tính đến ngày 28/11/2019*): 3.399.649.735 đồng.

Ngày 28/11/2019, Tòa án nhân dân Huyện Sóc Sơn – Thành phố Hà Nội ra Bản án số 12/2019/KDTM-ST V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng, tuyên buộc Công ty TNHH D trả số tiền nợ trên cho A. Nếu công ty không thực hiện nghĩa vụ trả nợ toàn bộ số tiền trên, Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự kê biên, phát mại quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, diện tích đất 285 m2, thửa 99, 98, tờ bản đồ số 05, tại thôn B, xã Q, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB248848 do UBND huyện S cấp ngày 22/10/2010 theo hợp đồng thế chấp công chứng số 01/2011/BĐTV ngày 07/01/2011; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, diện tích đất 191 m2, thửa số 111+111a, tờ bản đồ số 08, tại địa chỉ Thôn Đ, xã Q, huyện S, Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 339895 và AĐ 339896 do UBND huyện S cấp ngày 7/4/2009.

Ngày 03/03/2020, trên cơ sở yêu cầu của A Chi nhánh V1, Chi cục thi hành án dân sự huyện Sóc Sơn ra Quyết định số 42/QĐ-CCTHADS về việc thi hành án theo yêu cầu để thi hành án đối với Bản án số 12/2019/KDTM-ST ngày 28/11/2019. Trong quá trình thi hành án, cơ quan thi hành án đã bán thành công

2 tài sản bảo đảm được quyền xử lý theo Bản án trên. Toàn bộ số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm là 4.759.039.587 đồng, A thực hiện thu vào nợ gốc, nhưng không thu đủ được số tiền nợ gốc. Số tiền nợ gốc Công ty TNHH D còn phải trả cho A Chi nhánh V1 II sau khi trừ đi số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm là 1.538.960.413 đồng. Số tiền lãi phát sinh (tạm tính đến ngày 30/9/2022) là 6.275.106.708 đồng. Tổng số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 30/9/2022 là 7.814.067.121 đồng. Tính đến nay Công ty vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho A số tiền trên.

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của A, nay A Chi nhánh V1 II tiếp tục khởi kiện Công ty TNHH D, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho A.

Yêu cầu khởi kiện: Đề nghị Tòa án nhân dân Huyện Sóc Sơn – Thành phố Hà Nội buộc Công ty TNHH D thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho A Chi nhánh V1 II số tiền: 8.025.481.807 đồng (tạm tính đến ngày 10/8/2023), trong đó: nợ gốc: 1.538.960.413 đồng, nợ lãi: 6.486.521.394 đồng. Trường hợp Công ty TNHH D không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trên, A Chi nhánh V1 II có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mại tài sản bảo đảm, gồm: Quyền sử dụng đất số BG292407 do UBND huyện S cấp ngày 11/7/2011, chủ sở hữu tài sản: Ông Trần Văn L (*địa chỉ: Thôn B, xã Q, huyện S, Thành phố Hà Nội*).

Trường hợp sau khi phát mại tài sản thế chấp trên không thu đủ nợ gốc và lãi của khoản vay, A Chi nhánh V1 có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án tiếp tục bán các tài sản khác của Công ty TNHH D và yêu cầu Công ty TNHH D trả nợ gốc và lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ ngân hàng.

**** Đại diện bị đơn Công ty TNHH D - ông Nguyễn Ngọc B trình bày:***

Ông B xác nhận Công ty D có vay tiền của Ngân hàng N – Chi nhánh V1 số tiền tạm tính đến ngày 28/11/2019 số tiền là 8.340.411.692 đồng. Trong đó số tiền gốc là 4.940.761.957 đồng và tiền lãi là 3.399.649.735 đồng.

Để đảm bảo cho khoản vay Công ty có sử dụng tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số thửa 134b, tờ bản đồ 05, diện tích 245m² tại thôn B, xã Q, H.S, TP . Hà Nội đã được UBND huyện S cấp ngày 11/7/2011, chủ sở hữu tài sản: Ông Trần Văn L và bà Vũ Thị K1 thế chấp cho Ngân hàng để bảo đảm cho khoản vay.

Do làm ăn thua lỗ nên Công ty D không trả được nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận đã ký kết tại Hợp đồng tín dụng. Do tình hình dịch bệnh, Công ty làm ăn gặp khó khăn nên chưa trả nợ cho Ngân hàng. Ông B đại diện Công ty cam kết sẽ trả cho Ngân hàng khi có điều kiện kinh tế.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Vũ Thị Kim K1 trình bày:***
Chồng chị là anh Trần Văn L có quen ông Nguyễn Ngọc B là giám đốc Công ty TNHH D. Năm 2011 chồng chị có nói chuyện với chị về việc dùng tài sản của vợ

chồng chị là là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số thửa 134b, tờ bản đồ 05, diện tích 245m² tại thôn B, xã Q, huyện S, thành phố Hà Nội thế chấp cho Ngân hàng N để đảm bảo khoản vay của Công ty D.

Việc thế chấp và vay tiền như thế nào tôi không biết, chỉ có chồng tôi biết, chồng chị bảo chị ký thì chị ký. Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số thửa 134b, tờ bản đồ 05, diện tích 245m² tại thôn B, Q, S, Hà Nội là của vợ chồng chị. Hiện nay chồng tôi đang phải đi chấp hành án tại Trại giam, một mình chị phải nuôi 04 con nhỏ.

Đối với yêu cầu của Ngân hàng, chị đề nghị Công ty D phải trả tiền cho Ngân hàng để Ngân hàng trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình chị.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Trần Văn L vắng mặt có ý kiến trình bày:***

Vào cuối năm 2012 do có nhu cầu vay vốn để kinh doanh nên anh có nhờ người quen là ông Nguyễn Ngọc B ở Đ, Q, S, Hà Nội đứng tên giới thiệu và làm thủ tục vay vốn tại Ngân hàng và có dùng tài sản là thửa đất số đất số thửa 134b, tờ bản đồ 05, diện tích 245m² tại thôn B, xã Q, H. S, TP . làm thủ tục hồ sơ vay vốn. Khoảng sau vài tháng ông B cầm hồ sơ vay vốn đến nhà anh để anh ký, do tin tưởng ông B nên anh đã ký vào hồ sơ vay vốn. Sau đó anh có hỏi nhiều lần nhưng ông B bảo Ngân hàng chưa duyệt khoản vay của anh. Đến khoảng năm 2015-2016 có nhân viên Ngân hàng đến gia đình anh làm việc bảo anh đốc thúc Công ty D trả nợ thì anh mới biết hồ sơ của anh đã được duyệt nhưng tiền đã đưa cho Công ty D. Anh đã nhiều lần đến yêu cầu ông B phải trả tiền cho Ngân hàng để lấy lại quyền sử dụng đất cho anh, ông B hứa nhiều lần nhưng đến nay không thực hiện. Anh không phải là thành viên của Công ty D và khoản nợ của Công ty D cũng không liên quan đến anh. Nguồn gốc thửa đất thế chấp là của bố mẹ anh chuyển nhượng cho anh, hiện nay vợ con anh đang ở, quản lý, sử dụng.

Đối với yêu cầu của Ngân hàng buộc Công ty D trả nợ nếu không phát mại tài sản thế chấp, anh không đồng ý. Anh đề nghị Công ty D phải trả nợ cho Ngân hàng để Ngân hàng trả lại quyền sử dụng đất cho gia đình anh vì hiện nay đó là nơi sinh sống và là tài sản duy nhất của vợ con anh.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 08/2024/KDTM-ST ngày 10/08/2023 của Tòa án nhân dân huyện Sóc sơn đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn D.

2. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn D phải trả cho Ngân hàng N (A Chi nhánh V1) tổng số tiền nợ gốc và lãi theo hai Hợp đồng tín dụng số 2890LAV201301062/HĐTD ngày 02/7/2013 và Hợp đồng số 2890LAV201301126/HĐTD ngày 10/7/2013 tạm tính đến ngày 10/8/2023 số tiền

là 8.025.481.807. Trong đó: nợ gốc: 1.538.960.413 đồng, nợ lãi: 6.486.521.394 đồng.

Công ty D còn phải chịu số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 11/08/2023 theo Hợp đồng tín dụng ký giữa Ngân hàng N và Công ty D đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

Trong trường hợp Công ty D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ toàn bộ số tiền trên, Ngân hàng N có quyền đề nghị Chi cục thi hành án dân sự huyện Sóc Sơn xử lý toàn bộ khối tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 134b, tờ bản đồ số 05, diện tích 245 m² tại địa chỉ Thôn B, xã Q, huyện S, TP . theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG292407 do UBND huyện S cấp ngày 11/7/2011, chủ sở hữu tài sản: Ông Trần Văn L theo hợp đồng thế chấp tài sản đã ký kết giữa Ngân hàng N và ông L, bà K1. Phạm vi bảo đảm hiện còn 2.769.864.973 đồng, trong đó dư nợ gốc là 1.372.000 đồng, nợ lãi là 1.397.864.973 đồng.

Trường hợp đã phát mại hết tài sản đảm bảo nêu trên mà không đủ trả nợ gốc và lãi thì Công ty D phải tiếp tục bổ sung tài sản để đảm bảo cho phần nghĩa vụ gốc và lãi còn lại theo Hợp đồng tín dụng và Phụ lục hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ cho ngân hàng.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo, quyền thi hành án của các bên đương sự.

Không đồng ý với Bản án sơ thẩm nêu trên, Người có quyền lợi và Nghĩa vụ liên quan là ông Trần Văn L kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm số 08/2023/KDTM- ST ngày 10/08/2023 của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn: Đề nghị xem xét lại số tiền vay gốc và xem xét lại hợp đồng bảo lãnh vì ngoài nơi trên vợ con ông không có nơi ở nào khác.

Tại cấp phúc thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên ý kiến, quan điểm đã trình bày tại cấp sơ thẩm.
- Bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập.
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, ông Trần Văn L giữ nguyên ý kiến quan điểm đã trình bày và khẳng định ông chỉ bảo lãnh tối đa số tiền vay là 1.300.000.000 đồng, đề nghị xem xét lại hợp đồng thế chấp tài sản. Do ông bị kết án tử hình nên xin được vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên ý kiến, quan điểm đã trình bày tại cấp sơ thẩm, đề nghị HĐXX chấp nhận số tiền gốc là 1.372.000.000 đồng và số tiền lãi phát sinh từ số tiền gốc 1.372.000.000 đồng và chấp nhận Hợp đồng thế chấp số công chứng 3427 quyền số 05/2011/TP-CC-SCC/HĐGDS ngày 24/11/2011 tại Văn

phòng C1 thành phố Hà Nội giữa bên thế chấp là ông Trần Văn L và bà Vũ Thị Kim K1 với bên nhận thế chấp là Ngân hàng N. Không đề nghị HĐXX phúc thẩm xem xét số tiền gốc 238.960.413 đồng và số tiền lãi phát sinh là 5.088.656.421 đồng theo đơn khởi kiện. Đối với tài sản trên đất đề nghị HĐXX phúc thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Bà Vũ Thị K1 xác nhận vợ chồng có ký hợp đồng thế chấp với Ngân hàng N, tuy nhiên chỉ thế chấp quyền sử dụng đất, không thế chấp tài sản trên đất. Hiện nay trên đất thế chấp có một số công trình xây dựng, đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Ông L có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, do ông L bị biệt giam nên không có điều kiện nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm vì vậy kháng cáo của ông L là hợp lệ.

Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án từ thủ tục thụ lý vụ án, thời hạn chuẩn bị xét xử và tiến hành phiên tòa. Thư ký đã làm đầy đủ nhiệm vụ và phổ biến nội quy phiên tòa. Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, đã được trình bày các ý kiến và căn cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Về nội dung kháng cáo của Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Về số tiền gốc, tài liệu trong hồ sơ thể hiện Công ty D còn nợ tổng số tiền nợ gốc theo hai Hợp đồng tín dụng số 2890LAV201301062/HĐTD ngày 02/7/2013 và Hợp đồng số 2890LAV201301126/ HĐTD ngày 10/7/2013 tạm tính đến ngày 10/8/2023 là 1.372.000.000 đồng, nên buộc công ty D phải trả số tiền 1.372.000.000 đồng cho Ngân hàng N.

- Về số tiền gốc 238.960.413 đồng và số tiền lãi là 5.088.656.421 đồng đã được giải quyết trong Bản án đã có hiệu lực pháp luật số 12/2019/KDTM-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn. Tại phiên tòa phúc thẩm Ngân hàng N đề nghị không xem xét nên đề nghị HĐXX phúc thẩm đình chỉ giải quyết yêu cầu trên.

- Đối với Hợp đồng thế chấp số công chứng 3427 quyền số 05/2011/TP-CC-SCC/HĐGDS ngày 24/11/2011 tại Văn phòng C1 thành phố Hà Nội giữa bên thế chấp là ông Trần Văn L và bà Vũ Thị Kim K1 với bên nhận thế chấp là Ngân hàng N, ông L và bà K1 thế chấp quyền sử dụng đất, không thế chấp tài sản trên đất nên đề nghị khi tiến hành phát mại tài sản để thu hồi nợ, Ngân hàng N phải định giá tài sản trên đất và trả lại giá trị tài sản trên đất cho ông L và bà K1. Đề nghị HĐXX phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn về việc liên quan đến hợp đồng thế chấp.

Án phí: Sửa lại án phí sơ thẩm, án phí phúc thẩm. Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên ông L không phải chịu án phí KDTM phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, sau khi nghe ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

I. Về tố tụng :

1.1. Về quyền kháng cáo: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Trần Văn L có đơn kháng cáo Bản án sơ thẩm số 08/2024/KDTM-ST ngày 10/08/2023 của Tòa án nhân dân huyện Sóc sơn. Xét thấy, đơn kháng cáo của Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có nội dung phù hợp với Điều 272 BLTTDS và nằm trong thời hạn kháng cáo, do ông L bị kết án tử hình nên không nộp tiền tạm ứng án phí án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 22 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án nên việc kháng cáo của ông Trần Văn L là hợp lệ.

1.2. Quan hệ pháp luật: Tranh chấp xuất phát phát sinh từ hợp đồng tín dụng giữa hai bên là doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh và mục đích lợi nhuận; Căn cứ khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Sóc sơn xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng tín dụng là xác định đúng quan hệ pháp luật cần giải quyết.

1.3. Thẩm quyền giải quyết: Bị đơn Công ty TNHH D có trụ sở theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh tại Thôn Đ, xã Q, huyện S, thành phố Hà Nội. Căn cứ Điều 30, Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Đối với yêu cầu xác định số tiền bảo lãnh tối đa Tòa án nhân dân huyện Sóc sơn thụ lý, giải quyết và xét xử là đúng thẩm quyền.

II. Về yêu cầu kháng cáo của Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

[2.1]. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xét tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện nguyên đơn và bị đơn có ký hai Hợp đồng tín dụng số 2890LAV201301062/HĐTD ngày 02/7/2013 và Hợp đồng số 2890LAV201301126/ HĐTD ngày 10/7/2013 với tổng số tiền gốc là 6.300.000.000đồng, lãi suất thỏa thuận lãi suất tiền vay tại thời điểm ký giấy nhận nợ là 11%, Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay. Ngân hàng đã giải ngân số tiền vay cho bị đơn. Đến hạn bị đơn chưa thanh toán được số tiền gốc và lãi theo hợp đồng đã ký. Xét thấy, các bên tham gia hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự, trên cơ sở tự nguyện, các thỏa thuận có nội dung và mục đích không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Hình thức hợp đồng phù hợp với

quy định của pháp luật. Do đó, hợp đồng tín dụng có hiệu lực buộc các bên phải thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, bên cho vay là nguyên đơn đã giải ngân, bị đơn đã nhận tiền giải ngân theo đúng Khế ước nhận nợ và Hợp đồng tín dụng. Như vậy, nguyên đơn đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình theo hợp đồng. Việc bị đơn thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán trả nguyên đơn như đã cam kết là vi phạm nghĩa vụ trả nợ do các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng là vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên, vi phạm Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 103 của Luật các tổ chức tín dụng 2024. Do đó, có căn cứ buộc bị đơn phải trả toàn bộ số nợ gốc và lãi cho nguyên đơn.

Về số tiền gốc, vào Ngày 28 tháng 05 năm 2019 nguyên đơn đã có hồ sơ khởi kiện gửi Tòa án nhân dân Huyện Sóc Sơn – Thành phố Hà Nội yêu cầu buộc bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn với tổng số tiền gốc là 6.298.000.000 đồng; Ngày 17 tháng 07 năm 2019 nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền gốc là 1.372.000.000 đồng, trong đó số tiền gốc 1300.000.000 đồng của Hợp đồng tín dụng số: 2890LAV201301126/HĐTD ngày 10/07/2013 và số tiền gốc 72.000.000 đồng của Hợp đồng tín dụng số 2890LAV201301062/HĐTD ngày 02/7/2013. Tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 10/8/2023), bị đơn còn nợ nguyên đơn theo hai Hợp đồng tín dụng đã ký số tiền gốc là 1.372.000.000 đồng, nên có căn cứ buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền gốc 1.372.000.000 đồng.

Về số tiền lãi, theo bảng kê tính lãi của Nguyên đơn, Hội đồng xét xử đã kiểm tra tính toán lại thấy việc tính lãi đã được điều chỉnh lãi suất theo từng thời điểm và thời gian tính lãi theo đúng hợp đồng tín dụng đã ký giữa nguyên đơn và bị đơn nên buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền lãi trên số tiền gốc 1.372.000.000 đồng số tiền lãi là 1.397.864.973đ.

Trong đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án có thể hiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền: 8.025.481.807 đồng (tạm tính đến ngày 10/8/2023), trong đó: nợ gốc: 1.538.960.413 đồng, nợ lãi: 6.486.521.394 đồng. Đối với số tiền gốc 238.960.413 đồng và số tiền lãi là 5.088.656.421 đồng tại phiên tòa phúc thẩm đại diện nguyên đơn đề nghị HĐXX phúc thẩm không xem xét vì số tiền gốc và lãi trên đã được giải quyết trong Bản án số 12/2019/KDTM-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân Huyện Sóc Sơn – Thành phố Hà Nội đã có hiệu lực pháp luật. Xét thấy ý kiến của đại diện nguyên đơn là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu buộc bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn với số tiền gốc 238.960.413 đồng và số tiền lãi là 5.088.656.421 đồng

[2.2]. Về yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan

xác định số tiền bảo lãnh tối đa 1.300.000.000 đồng. Theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 3427 quyền số 05/2011/TP-CC-SCC/HĐGDS ngày 24/11/2011 tại Văn phòng C1 thành phố Hà Nội thì ông Trần Văn L và bà Vũ Thị Kim K1 đã sử dụng quyền sử dụng toàn bộ đất thửa đất số 134b, tờ bản đồ số 05 diện tích: 245m² tại địa chỉ Thôn B, xã Q, huyện S, thành phố H, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 292407 do UBND huyện S cấp ngày 11/07/2011, chủ sở hữu tài sản là ông Trần Văn L để đảm bảo cho toàn bộ nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi và các khoản phí liên quan đến hai Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 2890LAV201301062/HĐTD ngày 02 tháng 07 năm 2013; Hợp đồng tín dụng số: 2890LAV201301126/HĐTD ngày 10 tháng 07 năm 2013, mức bảo lãnh tối đa là 1.372.000.000 đồng.

Xét Hợp đồng thế chấp được ký giữa bên nhận thế chấp là Nguyên đơn với bên thế chấp là ông Trần Văn L và bà Vũ Thị Kim K1 được ký bởi người đại diện hợp pháp của bên nhận thế chấp với bên thế chấp là chủ sở hữu tài sản hợp pháp. Các bên tham gia hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự, trên cơ sở tự nguyện, các thỏa thuận có nội dung và mục đích được thực hiện quyền nghĩa vụ của mỗi bên, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được Công chứng và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm. Do đó, hợp đồng thế chấp có hiệu lực buộc các bên phải thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại hợp đồng. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn là có căn cứ pháp luật, theo đó Nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của khoản vay nói trên để thu hồi nợ cho Nguyên đơn. Phạm vi bảo đảm là 2.769.864.973 đồng (Trong đó, tiền gốc là 1.372.000 đồng, nợ lãi là 1.397.864.973 đồng).

Tài liệu có trong hồ sơ thể hiện, trên đất có các tài sản gồm: Nhà tạm mái lợp tôn có diện tích là 54,5m², nhà cấp 4 mái bằng diện tích 96m², nhà tạm mái tôn khung sắt diện tích 21m², nhà cấp 4 mái ngói 20m², sân bê tông. Các tài sản này ông Trần Văn L và bà Vũ Thị Kim K1 không sử dụng làm tài sản bảo đảm cho đảm bảo cho toàn bộ nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi và các khoản phí liên quan đến hai Hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn và bị đơn nên khi Cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm phải tiến hành định giá tài sản trả lại cho ông L và bà K1 và ông L và bà K1 được quyền ưu tiên mua trước.

3. Về án phí phúc thẩm, do kháng cáo được chấp nhận một phần nên người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không phải chịu án phí KDTM phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 2 Điều 308, Bộ luật tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

I. Chấp nhận một phần kháng cáo của Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Trần Văn L, sửa bản án sơ thẩm số 08/2024/KDTM - ST ngày 10/08/2024 của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn - thành phố Hà Nội, xử:

1.1 Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn D.

1.2. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn D phải trả cho Ngân hàng N (A Chi nhánh V1) tổng số tiền nợ gốc và lãi theo Hợp đồng số 2890LAV201301126/HĐTD ngày 10/7/2013 tạm tính đến ngày 10/8/2023 số tiền là 2.697.864.973 đồng, trong đó số tiền dư nợ gốc là 1.300.000.000 đồng, số tiền dư nợ lãi là 1.397.864.973 đồng.

Công ty trách nhiệm hữu hạn D còn phải chịu số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 11/08/2023 theo Hợp đồng tín dụng ký giữa Ngân hàng N và Công ty trách nhiệm hữu hạn D đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

Trong trường hợp Công ty trách nhiệm hữu hạn D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ toàn bộ số tiền trên, Ngân hàng N (A Chi nhánh V1) có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án phát mại tài sản bảo đảm để thu nợ. Tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 134b, tờ bản đồ số 05, diện tích 245 m² tại địa chỉ Thôn B, xã Q, huyện S, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG292407 do UBND huyện S cấp ngày 11/7/2011, chủ sở hữu tài sản: Ông Trần Văn L theo hợp đồng thế chấp tài sản đã ký kết giữa Ngân hàng N và ông Trần Văn L, bà Vũ Thị Kim K1. Khi phát mại Tài sản bảo đảm, Ngân hàng N (A Chi nhánh V1) phải thanh toán giá trị tài sản trên đất tại thời điểm phát mại và ông Trần Văn L và bà Vũ Thị Kim K1 được quyền ưu tiên mua trước.

Trường hợp đã phát mại hết tài sản đảm bảo nêu trên mà không đủ trả nợ gốc và lãi thì Công ty trách nhiệm hữu hạn D phải tiếp tục bổ sung tài sản để đảm bảo cho phần nghĩa vụ gốc và lãi còn lại theo Hợp đồng tín dụng và Phụ lục hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ cho ngân hàng.

1.3. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của Ngân hàng N (A Chi nhánh V1) đối với số tiền gốc 238.960.413 đồng và số tiền lãi 5.088.656.421 đồng.

II. Về án phí:

2.1 Về án phí sơ thẩm:

- Công ty trách nhiệm hữu hạn D phải chịu 112.800.000 đồng (*Một trăm mười hai triệu, tám trăm nghìn đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Hoàn trả Ngân hàng N (A Chi nhánh V1) 50.000.000 đồng (*năm mươi bảy triệu đồng*) tiền tạm ứng án phí Ngân hàng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng số AA/2020/0005588 ngày 24/11/2022 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Sóc Sơn.

2.2 Về án phí phúc thẩm: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (ông Trần Văn L) không phải chịu án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm xét xử công khai và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP Hà Nội;
- TAND huyện Sóc Sơn;
- Chi cục THADS huyện Sóc Sơn;
- Lưu HS, VP, HCTP, TKT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đức Lập